

Tập trung đất nông nghiệp tại Việt Nam: lý luận và thực tiễn
Đỗ Thị Tám¹, Nguyễn Đình Trung¹, Trương Đỗ Thủy Linh²,
Xuân Thị Thu Thảo³, Vũ Thắng Phương⁴

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam

²Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

³Trường Đại học Lâm nghiệp

⁴Bộ Tài nguyên & Môi trường

Agricultural land concentration in Vietnam: theory and practice

Do Thi Tam¹, Nguyen Dinh Trung¹, Truong Do Thuy Linh²,
Xuan Thi Thu Thao³, Vu Thang Phuong⁴

¹Vietnam National University of Agriculture

²Nong Lam University, Ho Chi Minh City

³Vietnam National Forestry University

⁴Ministry of Natural Resources and Environment

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuaf.12.5.2023.160-170>

TÓM TẮT

Phát triển nông nghiệp giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn tại Việt Nam; trong đó, tập trung đất nông nghiệp là xu thế tất yếu để giải quyết tình trạng sử dụng đất nhỏ lẻ, phân tán, hiệu quả thấp, không phù hợp với sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn giai đoạn hiện nay. Đã có một số nghiên cứu về tập trung đất nông nghiệp được thực hiện, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào hệ thống một cách đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề này. Bài viết nhằm mục đích cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến tập trung đất nông nghiệp tại Việt Nam. Qua đó đã chỉ ra một số yếu tố có ảnh hưởng đến quá trình tập trung đất nông nghiệp, đó là: chính sách pháp luật, thị trường, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật công nghệ. Kết quả đạt được góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho các nghiên cứu có liên quan đến tập trung đất nông nghiệp nói riêng và phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung trên phạm vi cả nước.

ABSTRACT

Agricultural development plays an important role in the process of agricultural industrialization and rural modernization in Vietnam; in which, agricultural land concentration is an inevitable trend to resolve the situation of using land in a small, scattered, low-efficiency way and unsuitable for the current large-scale concentrated agricultural production nowadays. There have been many studies on agricultural land concentration conducted, however, there has not been any research that fully systematizes the theoretical issues for this matter. Therefore, the article aims to provide an overview of theory and practice related to agricultural land concentration in Vietnam and point out the factors affecting the process of agricultural land concentration (including legal policies, markets, natural conditions, socioeconomics, science and technology). The obtained results will help to add more scientific basis for research related to land concentration in particular and rural agricultural development in general across the country.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 09/08/2023

Ngày phản biện: 13/09/2023

Ngày quyết định đăng: 05/10/2023

Từ khóa:

phát triển nông nghiệp, quản lý đất đai, tập trung đất nông nghiệp, yếu tố ảnh hưởng.

Keywords:

agricultural development, land management, agricultural land concentration, factors affecting.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế [1]. Phát triển nông nghiệp (PTNN) là cốt lõi để đảm bảo an ninh lương thực và an sinh xã hội của mỗi quốc gia, mỗi vùng. Tại Việt Nam, nông nghiệp đóng góp vào sự phát triển tổng thể của quốc gia và là nguồn sinh kế cho 62,88% dân số [2] và chiếm 14,85% trong cơ cấu nền kinh tế cả nước [3]. PTNN quy mô lớn,

công nghệ cao, bền vững, phù hợp với nền kinh tế thị trường và xu hướng phát triển của thế giới thì cần phải thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất ở quy mô phù hợp [4], [5]. Nghị quyết số 19 của Ban chấp hành TW Đảng (2022) đã nhấn mạnh cần đẩy mạnh tập trung đất đai; PTNN theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công

nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá. Như vậy, tập trung đất nông nghiệp (ĐNN) là cần thiết, là xu thế tất yếu trong PTNN, nông thôn tại Việt Nam. Bài viết nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tập trung ĐNN, từ đó chỉ ra một số yếu tố có ảnh hưởng đến quá trình tập trung ĐNN tại Việt Nam, làm cơ sở hoàn thiện chính sách về tập trung ĐNN và phát triển nông thôn mới hiệu quả và bền vững.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Phương pháp tiếp cận hệ thống:** nhìn nhận và phân tích vấn đề nghiên cứu trong mối quan hệ tổng thể, tiếp cận hệ thống từ lý luận tới thực tiễn; từ vĩ mô đến vi mô, từ tổng thể đến chi tiết; từ chính sách, pháp luật tới thực tế triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về tập trung ĐNN.

- **Phương pháp tổng quan có hệ thống của Livinski và cộng sự (2015):** sử dụng kết quả nghiên cứu từ các bài báo, đề tài, luận án và các tài liệu đã được công bố... liên quan đến chủ đề nghiên cứu nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận,

thực tiễn và các yếu tố có ảnh hưởng đến tập trung ĐNN.

- **Các phương pháp nghiên cứu cụ thể:** Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu thứ cấp; phương pháp phân tích, đánh giá tổng hợp và phương pháp chuyên gia.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Lý luận về tập trung đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp (còn được gọi là ruộng đất) là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế, là nơi tạo ra giá trị sản xuất và thu nhập của hộ dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (SXNN). Theo Viana và cộng sự (2022) [6], ĐNN là phương tiện chính để tạo ra sinh kế và tích lũy của cải để chuyển giao giữa các thế hệ. ĐNN gồm đất trồng cây hàng năm bao gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và ĐNN khác [7]. Khoảng 4,74 tỷ ha bề mặt trái đất là ĐNN, bao gồm đồng cỏ và cây trồng [8]. Ở Việt Nam, ĐNN có 28.002.624 ha, chiếm 84,51% diện tích tự nhiên [9].

Bảng 1. Bình quân diện tích đất nông nghiệp/người tại một số quốc gia giai đoạn 2000-2020

DVT: ha/người

Quốc gia	Năm				
	2000	2005	2010	2015	2020
Đài Loan	0,04	0,04	0,04	0,03	0,03
Hoa Kỳ	0,63	0,57	0,52	0,49	0,48
Israel	0,07	0,06	0,05	0,05	0,06
Nhật Bản	0,04	0,04	0,04	0,04	0,03
Hà Lan	0,07	0,07	0,06	0,06	0,06
Hàn Quốc	0,04	0,04	0,04	0,03	0,03
Thái Lan	0,33	0,33	0,32	0,31	0,31
Việt Nam	0,10	0,11	0,12	0,12	0,11

Nguồn: [8]

Sử dụng ĐNN là hành vi lấy đất kết hợp với sức lao động, vốn để tạo ra lợi ích, tùy vào mức độ phát triển kinh tế xã hội (KTXH), ý thức của con người [10] nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, cải thiện thu nhập cho hộ dân. Việc sử dụng đất (SDD) hợp lý sẽ góp phần tăng năng suất cây trồng, bảo vệ đất, nâng cao hiệu quả SDD và hướng tới nền sản xuất hàng hóa tập trung [11].

Ở Châu Âu, theo King và Burton (1983) [12] tập trung ruộng đất đã có từ thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên. Tuy nhiên, theo Van Dijk (2003) [13], khái niệm đầu tiên về tập trung đất đai bắt đầu vào năm 1343, ở Bavaria, Đức. Theo

Uimonen (2004), tập trung đất đai bắt đầu từ thế kỷ 14 ở Phần Lan, Hà Lan năm 1435, ở Ý vào năm 1450 sau đó lan sang các nước châu Âu khác như Đan Mạch (1650), Pháp (1702), Thụy Sĩ (1808), Tây Ban Nha (1850) và Na Uy (1859). Tuy nhiên, Đạo luật Tập trung ruộng đất đầu tiên xuất hiện vào giữa thế kỷ 18: ở Thụy Điển, Luật Tập trung ruộng đất được ban hành năm 1749 [14], Đan Mạch năm 1781 [15] mặc dù chưa được hoàn thiện cho đến năm 1805 [13], Đức năm 1856, Áo năm 1883, Thụy Sĩ năm 1893, Ý năm 1896, Bỉ năm 1900, Pháp năm 1918 và Hà Lan vào năm 1924 [16].

Tập trung ĐNN (tiếng Anh là *land*

concentration hay *land consolidation*) là việc tăng quy mô diện tích ĐNN thông qua hình thức liên kết, hợp tác, chuyển đổi hoặc thuê quyền SDD của người SDD khác mà không làm thay đổi quyền SDD của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức kinh tế [5] nhưng làm thay đổi cách thức quản lý sử dụng đất đai hợp lý và hiệu quả hơn. Theo Palmer và cộng sự (2003) [17], Van Dijk (2003) [13], Pasakarnis & Maliene (2008) [18] và Vitikainen (2004) [19] tập trung ĐNN là quá trình sắp xếp lại các thửa đất manh mún thành thửa to hơn, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của manh mún đất đai. Theo Thái Thị Quỳnh Như (2020) [20], tập trung đất đai có thể được sử dụng để cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn, thực hiện các chính sách phát triển và môi trường, là công cụ, tiền đề cho PTNN, nông thôn.

Trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, tập trung ĐNN là cấp thiết nhằm tăng quy mô diện tích sản xuất [21], giúp các hộ thực

hiện chuyên môn hóa sản xuất theo lợi thế của hộ và góp phần hình thành lên các doanh nghiệp nông nghiệp sản xuất quy mô lớn. Tập trung ĐNN tạo điều kiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo đảm sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm và bền vững. Đồng thời, tập trung ĐNN phải dựa trên quy hoạch SXNN, quy hoạch sử dụng đất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tái cấu trúc nền kinh tế, áp dụng tiên bộ khoa học công nghệ và hình thành khu vực chuyên canh theo hướng sản xuất hiện đại, chuyên môn hóa gắn với thị trường và tạo ra những sản phẩm tốt hơn, chất lượng hơn đưa ra thị trường. Tập trung ĐNN đòi hỏi tính hiệu quả, tạo điều kiện để thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo ra giá trị kinh tế và việc làm ổn định cho người nông dân. Hiện tại, Việt Nam có các phương thức tập trung ĐNN như trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Một số phương thức tập trung đất nông nghiệp tại Việt Nam

Phương thức	Nội dung và điều kiện áp dụng
1. Dồn điền, đổi thửa	Các hộ nông dân đổi ruộng cho nhau nhằm mục đích dồn nhiều mảnh nhỏ, phân tán thành một số ít mảnh có diện tích quy mô lớn hơn; không làm tăng quy mô ruộng đất/hộ, nhưng làm tăng quy mô thửa ruộng, góp phần thuận lợi cho cơ giới hoá và SXNN hàng hóa. Điều kiện để áp dụng: xã có ruộng đất phân tán, người dân có nhu cầu đổi ruộng cho nhau; cơ sở hạ tầng phục vụ SXNN đồng đều giữa các mảnh; hồ sơ, thông tin thửa đất rõ ràng.
2. Thuê đất	
- Doanh nghiệp thuê đất của địa phương hoặc từ các nông lâm trường (cũ)	Bên cho thuê cho bên thuê được thuê quyền sử dụng ĐNN của mình trong thời gian thỏa thuận mà không làm mất đi QSDĐ của bên cho thuê. Điều kiện để áp dụng: quỹ đất của địa phương, nông lâm trường quốc doanh còn lớn; bản đồ địa chính rõ ràng không xảy ra tranh chấp, lấn chiếm; mức độ vào cuộc của chính quyền cao trong việc hỗ trợ thủ tục, xử lý tranh chấp.
- Nông dân thuê đất của chính quyền địa phương	
- Nông dân thuê đất của nông dân	Phương thức này thường xuất hiện ở những địa phương có nhiều lao động chuyển đổi từ nông nghiệp sang ngành nghề khác và hồ sơ, thông tin đất đai rõ ràng.
- Doanh nghiệp thuê đất của nông dân	
3. Góp vốn	
- Doanh nghiệp nhận vốn góp của nông dân bằng quyền SDD	Nông dân có đất, doanh nghiệp có tiềm lực tài chính liên kết trong sản xuất nông nghiệp được ràng buộc bằng hợp đồng góp vốn. Phương thức này thường thực hiện ở các vùng chuyên canh sản xuất nguyên liệu tập trung với hệ thống hồ sơ, thông tin địa chính rõ ràng và đòi hỏi doanh nghiệp phải có tiềm lực về tài chính.
4. Liên kết	
- Hợp tác sản xuất	Hợp tác xã có vai trò đầu mối cung cấp vật tư đầu vào như giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, kỹ thuật canh tác... Nông dân sản xuất trên chính mảnh đất của mình với công nghệ và kỹ thuật mới. Phương thức này thực hiện ở vùng có HTX phát triển; năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của HTX cao.

Phương thức	Nội dung và điều kiện áp dụng
- Tổ hợp tác	Các hộ dân tự liên kết để phối hợp với nhau trong mua chung một số nguồn đầu vào, bán chung một số nông sản, cùng nhau làm một số công việc theo kế hoạch chung. Mô hình này khá thuần túy, đơn giản dựa vào tự nguyện là chính và thường thực hiện ở vùng có Tổ hợp tác phát triển; năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của Tổ hợp tác cao.
- Hộ gia đình, cá nhân liên kết với doanh nghiệp	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kỹ thuật và điều hành kế hoạch sản xuất. Hộ dân tham gia liên kết sẽ trực tiếp thực hiện các công đoạn chăm sóc còn lại các công đoạn khác có vấn đề gì thì báo cáo công ty. Trong trường hợp này chính quyền đóng vai trò kết nối doanh nghiệp với nông dân.
- Cánh đồng lớn	Là cách thức tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với DN, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn xã, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng hàng hóa. Phương thức này sẽ phát huy hiệu quả khi quy mô diện tích của hộ đủ lớn; mức độ phát triển của SXNN hàng hóa đủ cao để liên kết với doanh nghiệp; mức độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của địa phương đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp tham gia và chính quyền vào cuộc mạnh mẽ làm nhân tố kết hợp, liên kết giữa doanh nghiệp và người dân có ĐNN.

Hiện nay tuy vẫn còn một số tranh luận về khái niệm và phân loại các phương thức tập trung ĐNN nhưng lại có sự thống nhất là tập trung ĐNN sẽ tạo điều kiện để mở rộng quy mô sử dụng ĐNN thông qua các phương thức hợp tác, chuyển đổi hoặc thuê QSDĐ trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận các bên mà không làm mất đi QSDĐ của người SDD. Trong phương thức hợp tác, bên hợp tác dùng QSDĐ nông nghiệp để liên kết sản xuất, kinh doanh với đối tượng khác mà không làm thay đổi QSDĐ. Trong phương thức thuê QSDĐ bên cho thuê cho thuê QSDĐ nông nghiệp trong thời gian thỏa thuận mà không làm mất đi QSDĐ của mình. Trong phương thức chuyển đổi QSDĐ các bên chuyên giao và đổi QSDĐ nông nghiệp cho nhau. Do đó, về bản chất QSDĐ nông nghiệp đã được chuyển quyền nhưng hai bên đều không “mất đi QSDĐ” của mình. Do đó, chuyển đổi QSDĐ được xem như là một trong các phương thức tập trung ĐNN.

3.2. Thực tiễn về tập trung đất nông nghiệp

3.2.1. Kinh nghiệm tại một số nước

Tùy vào thể chế chính trị, đặc điểm và định hướng phát triển riêng mà từng quốc gia có cách thức tập trung đất đai khác nhau. Tại Hoa Kỳ, nông nghiệp được hỗ trợ từ sản xuất đến tiêu thụ nông sản, SXNN đã chuyển sang các trang trại lớn hơn trong nhiều năm [22], với các mô hình nông nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2019, Hoa Kỳ có 329,9 triệu dân, diện tích

9.155.898 km² với khoảng 2,1 triệu trang trại. Diện tích bình quân mỗi trang trại là 446 acres (tương đương 178,4 ha); các trang trại chiếm mật độ cao ở một số bang vùng Trung Tây như sau: Texas (230.000 trang trại), Montana (105.000 trang trại), Indiana (88.600 trang trại), Kentucky (84.000 trang trại) [23].

Hà Lan có diện tích ĐNN vào hạng thấp nhất thế giới (khoảng 2 triệu ha); song bằng các chính sách và bước đi thích hợp, Hà Lan đã xây dựng thành công một nền nông nghiệp phát triển bền vững, có sức cạnh tranh và hiệu quả cao nhất thế giới. Hà Lan không có chính sách hạn điền. Cải tạo đất, liên kết biến các thửa ruộng nhỏ thành thửa lớn, xây dựng hệ thống kênh rạch, phục vụ yêu cầu cơ giới hoá là những ưu tiên hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp. Chính phủ khuyến khích mở rộng đất và phát triển kinh tế hợp tác xã (HTX) theo quy mô trang trại dựa vào chính sách mua và thuê đất [24].

Israel với hơn 70% diện tích là sa mạc vẫn có thể canh tác và thay đổi cơ cấu nền nông nghiệp thế giới. Theo Đặng Kim Sơn (2008) [23], Israel tổ chức hai mô hình nông nghiệp là Moshav và Kibbutz (như HTX Nông nghiệp Việt Nam). Kibbutz là một tổ hợp nông - công nghiệp hiện đại, có năng lực sản xuất cao và nhanh nhạy với cơ chế thị trường. Kibbutz đã chứng minh rằng công hữu tư liệu sản xuất nếu được tổ chức quản lý tốt, được hỗ trợ từ Nhà nước và xã hội, tạo được năng suất lao động cao thì vẫn là một

hướng phát triển có tính bền vững [25].

Tại Nhật Bản, biện pháp “hợp nhất ruộng đất” và “ủy thác sản xuất” giữ vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện cơ cấu SXNN [26]. Theo Thái Thị Quỳnh Như (2020) [20], mô hình HTX làm tăng quy mô sản xuất, tăng diện tích đất đai lên rất lớn, sử dụng máy móc, thiết bị, vật tư chung. Đặc biệt tổ chức kinh tế HTX dịch vụ đã thúc đẩy tập trung ruộng đất và chuyên môn hóa sâu theo hướng thương mại hóa trong nông nghiệp nước này [27].

Tại Hàn Quốc, hạn điền ĐNN được loại bỏ từ năm 1999 nhằm tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất. Quy mô SXNN được khuyến khích mở rộng bằng nhiều cách (trợ cấp cho các hộ nông dân lớn tuổi sẵn sàng nghỉ hưu, khuyến khích sản xuất theo nhóm, khuyến khích các mô hình nông nghiệp tổ chức sản xuất theo hợp đồng...). Năm 2005-2006, nhiều chương trình được triển khai với mục đích giảm thiểu manh mún đất đai và khuyến khích các hộ trẻ thuần nông nghiệp mở rộng quy mô sản xuất (như: thành lập ngân hàng ĐNN; mua đất của các hộ có các khoản vay nợ lớn và cho họ thuê lại nếu thích hợp) [28].

Tại Đài Loan, chính sách cải cách ruộng đất tiến hành từ những năm 1950 theo nguyên tắc phân phối đồng đều đất cho nông dân nhằm làm cho người cày có ruộng và tạo điều kiện cho ra đời các trang trại gia đình quy mô nhỏ [20]. Năm 1983, Luật PTNN ra đời và công nhận phương thức sản xuất ủy thác của các hộ nông dân; các trang trại cùng địa phương còn tiến hành hợp tác trong một số khâu sản xuất (như: làm đất, mua bán chung một số vật tư máy móc và sản phẩm nông nghiệp) [10]. Chính sách tập trung ĐNN tại Đài Loan đã giúp người dân mở rộng quy mô SXNN hình thành các trang trại nông nghiệp, tăng khả năng chuyên môn hóa tại khu vực nông thôn.

Tại Thái Lan, cải cách ruộng đất diễn ra năm 1990, nổi bật chương trình ký kết 4 bên (Chính phủ, các chủ đất, nông dân và giới đầu tư) nhằm chia sẻ quyền lợi về ruộng đất thông qua các công trái ruộng đất. Nhờ đó, chính phủ tiết kiệm được tiền mua đất của chủ đất, làm dịu sự chống đối của các chủ đất lớn, số hộ nông dân nghèo có ruộng tăng lên, đồng thời khuyến khích đầu

tư vốn, kỹ thuật phát triển vùng chuyên canh nông nghiệp [20]. Nhờ vậy, quá trình quản lý và sử dụng ruộng đất được thực hiện rất hiệu quả, giảm tình trạng bất bình đẳng về ruộng đất và thu nhập ở nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu [26].

3.2.2. Thực tiễn tại Việt Nam

a. Một số văn bản về tập trung đất nông nghiệp

- Nghị quyết: Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp; Nghị quyết 05-NQ/HNTW ngày 10/6/1993 của Ban Chấp hành TW Đảng về tiếp tục đổi mới và phát triển KTXH nông thôn; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 10/11/1998 của Ban Bí thư về một số vấn đề PTNN và nông thôn; Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại; Nghị quyết số 26-NQ/TW7 ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành TW Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Ban chấp hành TW Đảng về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai; Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Văn bản khác: Luật Đất đai năm 1993; Luật Đất đai năm 2003; Luật Đất đai năm 2013. Quyết định 65/2011/QĐ-TTg ngày 02/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 63/2010/QĐ-TTg; Công văn 354/BNN-TT ngày 17/2/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thí điểm xây dựng “Cánh đồng mẫu lớn” ở các tỉnh phía Bắc; Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; Quyết định 68/2003/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ.

b. Lược sử quá trình tập trung đất nông nghiệp

Theo Phạm Hữu Văn (2017) [29], lịch sử tập trung ĐNN gắn với quá trình PTNN nông thôn tại Việt Nam với 4 giai đoạn chính:

- Giai đoạn sau cải cách, ruộng đất được chia cho các hộ nông dân (giao đất cho kinh tế hộ), năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng rất nhanh.

- Giai đoạn xây dựng phong trào hợp tác hóa (tập trung ruộng đất), từ năm 1958: lúc đầu năng suất cây trồng, vật nuôi tăng nhanh, nhiều tỉnh miền Bắc (như Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên...) đạt năng suất lúa 5-6 tấn/1 ha vào 1966-1968 (gấp 3,4 lần so với trước năm 1961) và sau một thời gian năng suất lúa tăng lên 12-13 tấn/ha.

- Sau đổi mới chia ruộng đất ổn định, lâu dài cho nông dân (giao đất cho kinh tế hộ): nông nghiệp nước ta có những bước phát triển ngoạn mục, từ thiếu ăn trầm trọng, đến đủ ăn và xuất khẩu lương thực đứng hàng đầu thế giới, trong đó có các nông sản như cà phê, tiêu, điều, thủy sản xuất khẩu có thứ hạng trên trường quốc tế.

- Giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế (2011 đến nay): quá trình trao đổi nông sản hàng hóa

với nước ngoài cho thấy năng suất lao động Việt Nam thấp, an toàn thực phẩm chưa đảm bảo, một số mặt hàng giá thành còn cao. Một trong những nguyên nhân là do quy mô (diện tích) chưa phù hợp.

Như vậy, quy mô (là biểu hiện của một loại hình quan hệ sản xuất) phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất và nhất là trình độ của chủ trang trại, doanh nghiệp.

c. Kết quả tập trung đất nông nghiệp tại Việt Nam

Theo Nguyễn Đình Bồng và Nguyễn Thị Thu Hồng (2017) [30], quá trình tập trung ĐNN tại Việt Nam diễn ra với quy mô nhỏ với bình quân diện tích SXNN/hộ giai đoạn (2005-2015) đạt 0,94-1,21 ha/hộ, đất lúa 0,42-0,43 ha/hộ. Việc SDD thiếu bền vững do mô hình sản xuất tự cung tự cấp chiếm ưu thế; vậy nên việc tập trung ĐNN đạt hiệu quả rõ rệt nhưng khác nhau giữa các vùng do điều kiện kinh tế khác nhau. Tuy nhiên, quá trình này chưa gắn chặt chẽ với phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn; các trang trại chủ yếu có quy mô dưới 3 ha và sử dụng lao động gia đình kết hợp với thuê máy móc trong một số khâu như làm đất, gặt đập.

Bảng 3. Biến động diện tích đất nông nghiệp giai đoạn 2005-2022

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	2005	2010	2015	2020	2022
	Tổng diện tích ĐNN	24.822.559	26.197.449	27.302.206	27.983.482	28.002.624
1	Đất sản xuất nông nghiệp	9.415.568	10.118.085	11.530.160	11.718.391	11.673.421
	<i>Trong đó: Đất trồng lúa</i>	<i>4.165.277</i>	<i>4.127.781</i>	<i>4.143.096</i>	<i>3.940.619</i>	<i>3.930.400</i>
2	Đất lâm nghiệp	14.677.409	15.346.126	14.923.560	15.404.790	15.467.573
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất</i>	<i>5.434.856</i>	<i>7.452.637</i>	<i>7.460.315</i>	<i>7.992.893</i>	<i>8.025.301</i>
3	Đất nuôi trồng thủy sản	700.061	690.221	797.759	786.184	784.000
4	Đất làm muối	14.075	17.562	17.505	15.586	15.374
5	ĐNN khác	15.447	25.455	33.223	58.532	62.256

Nguồn: [31-34]

Theo Tổng cục Thống kê (2021) [2], năm 2020, cả nước chỉ có 2.795 xã thực hiện tập trung, tích tụ ĐNN (chiếm 34,47% tổng số xã), với diện tích 790,1 nghìn ha (chiếm 6,57% đất SXNN); một số địa phương gần như không triển khai như: Tây Nguyên (19 xã với 0,4 nghìn ha), Đông Nam Bộ (11 xã với 1,3 nghìn ha), Đồng bằng sông Cửu Long (66 xã với 4,0 nghìn ha);

chỉ có 1.051 xã có cánh đồng lớn (chiếm 12,68% tổng số xã khu vực nông thôn) với bình quân 1 cánh đồng lớn có 197,18 hộ tham gia (bằng 71,93% năm 2016); diện tích bình quân 1 cánh đồng lớn 163,38 ha (bằng 63,86% năm 2016); tỷ lệ diện tích đất SXNN đạt hiệu quả và bền vững khá thấp (với 37,77%).

Bảng 4. Kết quả dồn điền, đổi thửa năm 2016 và năm 2020 phân theo vùng

	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2020	Tăng giảm (số lượng)	Tỷ lệ so sánh (%)
Cả nước	Số xã	Xã	2.294	2.788	494	121,5
	Diện tích	1.000 ha	693,7	790,0	96,3	113,9
Đồng bằng sông Hồng	Số xã	Xã	1.314	1.374	60	104,6
	Diện tích	1.000 ha	419,4	426,6	7,2	101,7
Trung du và miền núi phía Bắc	Số xã	Xã	187	292	105	156,1
	Diện tích	1.000 ha	16,5	36,7	20,2	222,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	Số xã	Xã	784	1.032	248	131,6
	Diện tích	1.000 ha	253,5	321,0	67,5	126,6
Tây Nguyên	Số xã	Xã	3	19	16	633,3
	Diện tích	1.000 ha	0,1	0,4	0,3	400,0
Đông Nam Bộ	Số xã	Xã	2	11	9	550,0
	Diện tích	1.000 ha	3,2	1,3	-1,9	40,6
Đồng bằng sông Cửu Long	Số xã	Xã	4	60	56	1500,0
	Diện tích	1.000 ha	1,0	4,0	3,0	400,0

Nguồn: [2]

Xét theo bình quân thửa đất/hộ, cả nước chỉ đạt 2,5 thửa đất/hộ, tại vùng Đồng bằng sông Hồng là 2,6 thửa/hộ. Diện tích bình quân mỗi thửa đất lúa là 647 m² bình quân mỗi lao động chỉ đạt 0,5 ha; thấp nhất so với 11 nước trong khu vực. Đến 2020, trong gần 9.123,02 nghìn đơn vị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản,

có 9.108,13 nghìn đơn vị sản xuất là hộ; số thửa đất SXNN bình quân 1 hộ tăng từ 2,5 thửa (2016) lên 2,8 thửa (2020) và diện tích bình quân 1 thửa tăng từ 1.843,1 m² lên 2.026,3 m² [35]. Như vậy, hộ là đơn vị kinh tế cơ bản trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tại Việt Nam hiện nay.

Bảng 5. Quy mô sử dụng đất của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2005-2022

TT	Chỉ tiêu	2005	2010	2015	2020	2022
1	Dân số nông thôn (triệu)	60,92	61,60	60,64	61,65	62,11
	Tỷ lệ so với tổng dân số (%)	73,00	67,00	65,04	63,18	62,45
2	Số hộ nông thôn (triệu)	10,5	10,4	9,3	16,88	27,63
	Số hộ SXNN (triệu)	9,7	9,5	8,5	8,17	*
3	ĐNN (triệu ha)	24,58	26,20	26,79	27,98	28,00
	Bình quân diện tích (ha/hộ SXNN)	2,53	2,75	3,17	3,42	*
4	Đất sản xuất NN (triệu ha)	9,41	10,10	10,30	11,72	11,67
	Bình quân diện tích (ha/hộ SXNN)	1,03	0,94	1,21	1,43	*
5	Đất lúa (triệu ha)	4,15	4,13	4,03	3,94	3,93
	Bình quân diện tích (ha/hộ SXNN)	0,42	0,43	0,47	0,48	*

Ghi chú: *: số liệu chưa được thống kê

Nguồn: [31-34]

Xét theo mục đích tập trung ĐNN, theo Bộ TN&MT (2017a) [33], đến 2016, có 19 liên hiệp HTX nông nghiệp (03 trồng trọt, 01 chăn nuôi, 01 thủy lợi và nước sinh hoạt, 03 nuôi và khai thác thủy sản, 11 dịch vụ tổng hợp); 10.902 HTX nông nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, thủy lợi, lâm nghiệp, diêm nghiệp và các dịch vụ phục vụ nông nghiệp (chiếm 55,5% tổng số HTX cả nước). Về doanh nghiệp nông nghiệp, năm 2014, có 3.844 doanh nghiệp và giảm còn 3.640 doanh nghiệp

năm 2015 (chiếm dưới 1%) với 90% doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Về SXNN theo mô hình cánh đồng lớn, năm 2016, cả nước có 2.262 cánh đồng lớn, quy mô sản xuất tổng diện tích gieo trồng đạt 579,3 nghìn ha (trong đó diện tích trồng lúa 516,9 nghìn ha, chiếm 89,2%), diện tích gieo trồng bình quân một cánh đồng đạt 256,1 ha (với cánh đồng lúa 311,2 ha; cánh đồng ngô 69,4 ha; cánh đồng mía 147,2 ha; cánh đồng trồng rau các loại 105 ha).

Bảng 6. Thống kê số lượng trang trại theo vùng và trên cả nước giai đoạn 2015-2022

Vùng kinh tế	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Đồng bằng sông Hồng	7.258	9.946	10.120	9.192	9.321	6.393	6.306	9.192
Trung du miền núi phía Bắc	1.637	2.800	2.814	3.030	3.178	2.463	2.493	3.030
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	3.145	3.627	3.758	3.777	3.721	2.941	3.078	3.777
Tây Nguyên	3.275	4.042	4.056	3.645	3.518	1.740	1.948	3.645
Đông Nam Bộ	6.727	6.792	6.795	6.067	6.126	4.718	4.390	6.067
Đồng bằng sông Cửu Long	7.347	6.270	6.305	5.957	6.044	5.425	5.556	5.957
Cả nước	29.389	33.477	33.848	31.668	31.908	23.680	23.771	31.668

Nguồn: [9, 36-37]

3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến tập trung đất nông nghiệp

3.3.1. Nhóm yếu tố về chính sách pháp luật

Đây là nhóm yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình tập trung ĐNN [20] (Nhóm này gồm các chính sách, chủ trương của Nhà nước như Luật Đất đai, Luật HTX, chính sách thuế, chính sách bảo hộ sản phẩm, trợ giá nông sản phẩm, đào tạo lao động, chính sách tập trung ĐNN.

Luật đất đai là yếu tố ảnh hưởng lớn đến tập trung ĐNN bởi vì chính sách giao đất, cho thuê đất giữ vai trò rất quan trọng. Thứ nhất, quy định về thời hạn giao đất, cho thuê ĐNN không quá 50 năm có thể gây cho nhà đầu tư tâm lý bất an và băn khoăn khi quyết định đầu tư lâu dài [38]. Việc Nhà nước giao đất trong hạn điền cho cá nhân, hộ gia đình trực tiếp SXNN mà không thu tiền SDD là không hiệu quả, gây lãng phí, không bình đẳng trong SXNN. Thậm chí một số không có nhu cầu sử dụng thì vẫn giữ đất, bỏ hoang đất, gây lãng phí đất đai và làm mất cơ hội SDD của một số chủ thể khác [38], [39]. Thứ hai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng ĐNN vẫn tồn tại nhiều bất cập, việc tập trung ĐNN để các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp có vùng nguyên liệu bền vững để xây dựng cánh đồng lớn vẫn còn những hạn chế, vướng mắc nhất định [5] [38-40]. Việc quy hoạch đề chuyên mục đích sử dụng ĐNN, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích khác chưa được tính toán cẩn trọng khiến nhiều hộ nông dân thiếu đất hoặc không có đất để sản xuất trong khi vẫn có thể sử dụng các loại đất khác... Để khắc phục các bất cập này, cần: (1) xây dựng, hoàn thiện chính sách bảo vệ và phát triển quỹ ĐNN; (2) bảo vệ

vững chắc đất lúa, đất rừng, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; (3) mở rộng hạn điền, hạn SDD cho các loại ĐNN; (4) khuyến khích tập trung ruộng đất, giao đất, cho thuê đất để xây dựng cánh đồng lớn, sản xuất theo hướng hữu cơ gắn với xây dựng nông thôn mới; (4) xây dựng phương án PTNN, phương án sử dụng ĐNN tích hợp trong quy hoạch tỉnh đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, hiệu quả [5] [38-40]; (5) khi xác định chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng ĐNN cần bảo vệ nghiêm ngặt các chỉ tiêu quan trọng (như: đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất khu bảo tồn thiên nhiên...).

Các quy định trong Luật HTX cũng có vai trò quan trọng, được ví như chìa khóa pháp lý quan trọng khi thực hiện tập trung ĐNN để SXNN ở quy mô lớn hơn [38]. Luật Đất đai 2013 cho phép thực hiện cơ chế chuyển đổi mục đích SDD trong nội bộ nhóm ĐNN một cách linh hoạt nhằm phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Điều này tạo thuận lợi cho việc tập trung ruộng đất để sản xuất hàng hóa theo mô hình kinh tế trang trại [41]. Đồng thời, Nhà nước cũng khuyến khích hình thức kinh tế của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả SDD trong SXNN, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ SXNN [42].

Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp (gồm: chính sách bảo hộ sản phẩm, trợ giá nông sản phẩm, đào tạo lao động, chính sách cho vay vốn, giải quyết việc làm...) có mối quan hệ mật thiết với tập trung đất đai và PTNN; tạo điều kiện để mở rộng quy mô SXNN, ứng dụng

khoa học công nghệ phục vụ phát triển SXNN hàng hóa quy mô lớn; việc khuyến khích PTNN hàng hóa, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ SXNN cũng tác động trở lại thúc đẩy quá trình tập trung ĐNN [41].

3.3.2. Nhóm yếu tố về thị trường

Thị trường thúc đẩy quá trình chuyển dịch từ sản xuất tự cung tự cấp, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, sản xuất tập trung với quy mô lớn; muốn có sản xuất hàng hóa tập trung thì buộc phải tập trung đất đai thành các trang trại, hoặc tập trung đất đai trong các liên kết sản xuất [20]. Theo Đinh Thị Nga (2017) [43], cần thực hiện đồng thời các chính sách về thị trường (như thu hút đầu tư, đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, giải quyết việc làm phi nông nghiệp...) với các chính sách PTNN (như quy hoạch SXNN, thay đổi kỹ thuật canh tác...) thì mới có thể thực hiện tốt việc tập trung ĐNN. Tuy nhiên, Nhà nước cần quản lý, định hướng và quy hoạch tốt để bảo đảm những biến động thị trường không ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tiêu thụ nông sản. Theo Châu Hoàng Thân (2021) [39], để hạn chế những hệ lụy này, cần có hành lang pháp lý vững chắc dựa trên những quy luật khách quan của thị trường. Các yếu tố liên quan thị trường gồm: thị trường tiêu thụ nông sản [11], [39], phát triển thị trường quyền SDD [5], [40], chuyên môn hóa theo thị trường [42].

3.3.3. Nhóm yếu tố về điều kiện tự nhiên

Các yếu tố về điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, thời tiết khí hậu, thổ nhưỡng và địa hình...) có ảnh hưởng lớn đến kết quả SXNN. Khi tập trung ĐNN cần có những nghiên cứu, phân tích, đánh giá rất sâu sắc về các yếu tố điều kiện tự nhiên của vùng, chất lượng đất cũng như đặc điểm của đất, địa hình của từng vùng miền [20], cần đảm bảo nguyên tắc phù hợp với đặc điểm về đất đai, địa hình, khí hậu của từng vùng, từng khu vực, từng địa phương [7]. Như vậy, mới có thể tổ chức SXNN quy mô lớn mới đạt hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

3.3.4. Nhóm yếu tố về kinh tế - xã hội

Sự phát triển của các ngành phi nông nghiệp không chỉ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu SDD, mà còn tạo việc làm, tăng thu nhập, thu hút lao động từ nông nghiệp [44]. Theo Thái Thị Quỳnh Như (2020) [20], sản xuất phát triển, kinh tế tăng trưởng, thu nhập của nông dân tăng cao là điều kiện quan trọng giúp người nông dân nâng cao về nhận thức và có vốn để tập trung ĐNN.

Do vậy, các yếu tố về KTXH có ảnh hưởng nhất định đến tập trung ĐNN.

Về tăng trưởng kinh tế: tập trung ĐNN là giải pháp quan trọng để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn; giúp đẩy mạnh PTNN hàng hóa, công nghệ cao; nâng cao hiệu quả SDD, năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản và thu nhập cho người sản xuất; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tái cơ cấu và PTNN theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy phát triển KTXH của địa phương [26].

Về nguồn lực kinh tế: tập trung đất đai là quá trình làm tăng quy mô đất đai nhưng không thay đổi quyền sở hữu hay quyền sử dụng của các chủ thể sở hữu và sử dụng ruộng đất [5] nên tập trung ĐNN không làm tăng quy mô diện tích của hộ và ít tiêu hao nguồn lực kinh tế hơn quá trình tích tụ ĐNN.

Cơ sở hạ tầng kinh tế: (gồm đường bộ, đường thủy, hệ thống thủy lợi, hệ thống điện...) cũng có vai trò nhất định đối với tập trung ĐNN và SXNN hàng hóa; SXNN quy mô lớn đòi hỏi các điều kiện hạ tầng tương ứng (về nhà xưởng, kho bãi, thủy lợi, lưới điện và giao thông...) nhằm đáp ứng yêu cầu SXNN khi đổi mới kỹ thuật canh tác, áp dụng máy móc để cơ giới, tự động hóa sản xuất, hình thành các trang trại, cánh đồng lớn; qua đó nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng nông sản.

Về thị trường tiêu thụ nông sản: nếu thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định sẽ đảm bảo thu nhập cho hộ dân và đảm bảo được hiệu quả sản xuất; đồng thời chứng minh được hiệu quả và tính đúng đắn của chủ trương tập trung ĐNN. Sự phát triển của thị trường tiêu thụ nông sản nội địa và thị trường xuất khẩu nông sản có tác động đến quá trình tích tụ ĐNN bởi vì, nhu cầu thị trường lớn, khả năng cung ứng dồi dào và có lợi thế về giá cả đối với nông sản sẵn có hoặc tiềm năng của địa phương chính là các động lực đầu tư tích tụ ĐNN để mở rộng sản xuất; đồng thời, hạ tầng phục vụ thị trường tốt sẽ tạo thuận lợi thực hiện các giao dịch, nhưng nếu chưa tốt thì trái lại sẽ trở thành rào cản lớn đối với thị trường nông sản; đặc biệt là thị trường xuất khẩu nông sản. Ngược lại, thị trường biến động sẽ có tác động và tạo nên nhiều thách thức đối với mô hình SXNN quy mô lớn. Giá nông sản phải đảm bảo ổn định, sản phẩm làm ra tiêu thụ thuận lợi

để có điều kiện tái đầu tư trong tương lai [45].

Trình độ và chất lượng lao động: trình độ lao động càng cao, càng dễ tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp thì quá trình cơ giới hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn càng thuận lợi và dễ dàng đạt năng suất cao [11].

Quy ĐNN: có vai trò nhất định khi tập trung ĐNN; địa phương có quỹ đất càng lớn, thửa đất càng rộng, tỷ lệ thửa đất của cùng một chủ sử dụng càng gần nhau thì việc tập trung ruộng đất sẽ nhanh chóng và thuận lợi hơn [39].

Nhu cầu tập trung ĐNN: phục vụ PTNN nông thôn quy mô lớn luôn là nhu cầu cấp bách; cần sự can thiệp, điều hành của Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội để tuyên truyền, vận động người dân và phân phối, điều tiết quỹ ĐNN hợp lý sao cho thỏa mãn nhu cầu của cả 3 bên (người dân, doanh nghiệp và Nhà nước) phục vụ PTNN nông thôn quy mô lớn, văn minh và hiện đại.

3.3.5. Nhóm yếu tố về khoa học kỹ thuật công nghệ

Điều kiện tiên quyết để áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ vào canh tác và SXNN hàng hóa là phải có quy mô diện tích lớn. SXNN không thể tách rời những tiến bộ khoa học kỹ thuật vì nó tạo ra cây trồng vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt [11]. Ban chấp hành TW Đảng (2022) [1] đã chỉ đạo cần “đẩy mạnh tích tụ tập trung đất đai; PTNN theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá...”.

Tóm lại, một số yếu tố ảnh hưởng đến tập trung ĐNN gồm: chính sách pháp luật, thị trường, điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội và khoa học kỹ thuật công nghệ.

4. KẾT LUẬN

Để trở thành một nền nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp Việt Nam cần được phát triển với tư duy phù hợp quy luật kinh tế thị trường và được tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún, tự phát... bằng cách tập trung ĐNN, kết nối chặt chẽ hộ nông dân với doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội sinh, khả năng thích nghi và ứng phó với thị trường có nhiều biến động. Nghiên cứu này đã phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn về vấn đề tập trung ĐNN và chỉ ra được một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tập trung ĐNN tại Việt Nam gồm: (1) Chính sách pháp luật (Luật

đất đai, Luật HTX, chính sách bảo hộ sản phẩm, trợ giá nông sản phẩm, đào tạo lao động, chính sách cho vay vốn, giải quyết việc làm...); (2) Thị trường (thị trường tiêu thụ nông sản, phát triển thị trường QSDĐ nông nghiệp, chuyên môn hóa theo thị trường); (3) Điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, điều kiện thời tiết khí hậu, thổ nhưỡng và điều kiện địa hình...); (4) KTXH (tăng trưởng kinh tế, nguồn lực kinh tế, cơ sở hạ tầng kinh tế, trình độ và chất lượng lao động, quỹ ĐNN, nhu cầu tập trung ĐNN); (5) Khoa học kỹ thuật công nghệ (hiện đại hóa kỹ thuật canh tác; chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá trong SXNN...). Kết quả của nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho các nghiên cứu có liên quan đến tập trung ĐNN nói riêng và phát triển nông nghiệp nông thôn nói chung trên phạm vi cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII (2022a). Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.
- [2]. Tổng cục Thống kê (2021a). Thông cáo báo chí về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020.
- [3]. Tổng cục Thống kê (2020a). Báo cáo tình hình KTXH quý IV và năm 2020.
- [4]. Trần Đức Viên (2017). Tích tụ ruộng đất để PTNN công nghệ cao: Khuyến nghị chính sách. <http://tiasang.com.vn/-dien-dan/Tich-tu-ruong-dat-va-phat-trien-nong-nghiep-CNC-Khuyen-nghichinh-sach-10689>.
- [5]. Đỗ Kim Chung (2018). Tích tụ và tập trung đất đai: cơ sở lý luận và thực tiễn cho PTNN hàng hóa ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 16(4): 412-424.
- [6]. Freire D. Viana C. M., Abrantes P., Rocha J. và Pereira P. (2022). Agricultural land systems importance for supporting food security and sustainable development goals: A systematic review. Science of The Total Environment. 806: 150718.
- [7]. Quốc hội (2013). Luật đất đai 2013.
- [8]. FAO (2020). World Food and Agriculture - Statistical Yearbook 2020. Rome. <https://www.fao.org/3/cb1329en/online/cb1329en.html#chapter-annex4>. Accessed September 18, 2023.
- [9]. Tổng cục Thống kê (2023b). Thông cáo báo chí về kết quả Khảo sát mức sống dân cư năm 2022.
- [10]. Tôn Gia Huyền và Nguyễn Đình Bồng (2007). Quản lý đất đai và thị trường bất động sản. NXB Bản đồ. Hà Nội.
- [11]. Xuân Thị Thu Thảo (2016). Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình tích tụ ĐNN đến SDD tại tỉnh Nam Định. Luận án tiến sĩ Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- [12]. R. King & Burton S. (1983). Structural change in agriculture: the geography of land consolidation. Progress in Human Geography. 7(4): 471-501.
- [13]. T. Van Dijk (2003). Dealing with Central European Land Fragmentation,

https://www.academia.edu/1608947/Dealing_with_Central_European_land_fragmentation

[14]. M. Meha (2004). Land Consolidation in Kosovo and its Impact on Rural Development. Proceedings of Symposium on modern land consolidation. France. September 10-11.

[15]. R. Bullard (2007). Land Consolidation and Rural Development. Papers in Land Management. Anglia Ruskin University.

[16]. D Demetriou (2014). Land Consolidation. In: The Development of an Integrated Planning and Decision Support System (IPDSS) for Land Consolidation, https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-02347-2_3

[17]. D. Palmer, Rembold, F., Munro-Faure, P. & Lindsay, J. (2003). The design of land consolidation pilot projects in Central and Eastern Europe. Food and Agriculture Organization of the United Nations, Rome. (6): 58.

[18]. G. Pasakarnis & Maliene, V. (2008). Land Consolidation: An Essential Tool for Sustainable Rural Development. BEAN (Build Environment & Natural Environment) 2008 Conference, BEST Research Centre (Built Environment and Sustainable Technologies).

[19]. A. Vitikainen (2004). An overview of land consolidation in Europe. Nordic Journal of Surveying and Real Estate Research. 1: 25-43.

[20]. Thái Thị Quỳnh Như (2020). Nghiên cứu cơ sở khoa học, thực tiễn đề xuất mô hình SĐĐ tập trung, quy mô lớn, hiệu quả, bền vững đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ cao trong SXNN tại các vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam. Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, Quản lý tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2016 -2020. Mã số ĐKKH/16-20

[21]. Nguyễn Văn Tiến (2022). Tích tụ tập trung đất phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp: những vướng mắc và giải pháp. Tạp chí Cộng sản. 4: 58-64.

[22]. MacDonald M. J. & Hoppe A. R (2018). Examining Consolidation in U.S. Agriculture.

[23]. Đặng Kim Sơn (2008). Kinh nghiệm quốc tế về nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong quá trình công nghiệp hóa. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.

[24]. Vũ Đình Tuấn, Trần Thiệu Cường, Đỗ Hoài Nam & Phạm Hùng Sơn (2019). Bài học kinh nghiệm tích tụ và tập trung đất đai của các nước Ba Lan, Hà Lan và Hoa Kỳ đối với phát triển nông nghiệp vùng Tây Nam Bộ. Phát triển bền vững vùng. 9(4): 55-61.

[25]. Nguyễn An Ninh (2016). Các kibbutz của Israel: Mô hình phát triển KTXH nông nghiệp, nông thôn. <https://www.tapchiconsan.org.vn/nong-nghiep-nong-dan-nong-thon/-/2018/39919/cac-kibbutz-cua-israel--mo-hinh-phat-trien-kinh-te---xa-hoi-nong-nghiep%2C-nong-thon.aspx>.

[26]. Nguyễn Quang Thuán (2017). Tích tụ tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện mới. Tạp chí Xã hội học. 4(140): 3-15.

[27]. Nguyễn Sinh Cúc (1998). Nông nghiệp Nhật Bản chuyển mạnh sang chất lượng cao. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. 237: 60-64.

[28]. Nguyễn Xuân Định (2017). Hàn Quốc và những chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/53/51093/ha-n-quoc-va-nhung-chinh-sach-ve-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon>.

[29]. Phạm Dũng (2017). Tích tụ tập trung đất ruộng đất ở Việt Nam trong điều kiện mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn. <https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/48275/tich-tu%2C-tap-trung-ruong-dat-o-viet-nam-trong-dieu-kien-moi--nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.aspx>.

[30]. Nguyễn Đình Bông và Nguyễn Thị Thu Hồng (2017). Một số vấn đề về tích tụ tập trung đất đai trong phát triển nông nghiệp và nông thôn hiện nay. Tạp chí Cộng sản. 896: 39-44.

[31]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2007). Kết quả kiểm kê đất đai năm 2005.

[32]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2012). Kết quả kiểm kê đất đai năm 2010.

[33]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017). Kết quả kiểm kê đất đai năm 2015.

[34]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Kết quả kiểm kê đất đai năm 2020.

[35]. Tổng cục Thống kê (2021b). Niên giám thống kê năm 2020.

[36]. Tổng cục Thống kê (2020b). Niên giám thống kê năm 2019.

[37]. Tổng cục Thống kê (2022). Niên giám thống kê năm 2021.

[38]. Bùi Hải Thiêm và Vũ Văn Huân (2019). Chính sách chuyển dịch đất đai theo hướng TTTT và tác động. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp. 22(398): 45-51.

[39]. Châu Hoàng Thân (2021). Hoàn thiện pháp luật về tích tụ ĐNN để tạo tiền đề phát triển kinh tế nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn. Tạp chí Nghiên cứu Lập Pháp. 16: 27-34.

[40]. Phan Thị Thu Hà (2019). Tích tụ đất trong nông nghiệp - thực trạng và các kiến nghị chính sách. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp. 15(391): 39-46.

[41]. Trần Quốc Toàn (2021). Vấn đề tích tụ - tập trung ruộng đất phát triển nông nghiệp hàng hóa (phần 2). <https://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/van-de-tich-tu---tap-trung-ruong-dat-phat-trien-nong-nghiep-hang-hoa-phan-2.html>.

[42]. Ban chấp hành TW Đảng (2022b). Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

[43]. Đinh Thị Nga (2017). Các hình thức tích tụ tập trung đất nông nghiệp: Yêu cầu đổi mới phương thức quản lý. <https://tapchitaichinh.vn/cac-hinh-thuc-tich-tu-tap-trung-dat-nong-nghiep-yeu-cau-doi-moi-phuong-thuc-quan-ly.html>.

[44]. Hoàng Xuân Phương & Hồ Thị Lam Trà (2015). Giải pháp tích tụ, tập trung đất nông nghiệp. NXB Nông nghiệp.

[45]. Nguyễn Tuấn Sơn (2021). Tích tụ và tập trung đất đai cho phát triển nông nghiệp hàng hoá ở tỉnh Đắk Nông. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 19(7): 987:996.